

Số: 467/QĐ-CDKT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc trợ cấp xã hội Học kỳ I Năm học 2021-2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 620/QĐ-BGDĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập trường Cao đẳng Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 41/2005/QĐ-UB ngày 07 tháng 03 năm 2005 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc chuyển trường Cao đẳng Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh sang trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg ngày 23 tháng 12 năm 1997 về học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh sinh viên các trường đào tạo công lập;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 53/1998/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 25 tháng 8 năm 1998 hướng dẫn thực hiện chế độ học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập;

Căn cứ Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 194/2001/QĐ-TTg ngày 21 tháng 12 năm 2001 về điều chỉnh mức học bổng chính sách và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các trường đào tạo công lập quy định tại Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg ngày 23 tháng 12 năm 1997 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 13/2002/TTLT-BGDĐT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2002 hướng dẫn thực hiện Quyết định số 194/2001/QĐ-TTg ngày 21 tháng 12 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh mức học bổng chính sách và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các trường đào tạo công lập quy định tại Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg ngày 23 tháng 12 năm 1997 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 18/2009/TTLT/BGDĐT-BTC-BLĐTBXH sửa đổi, bổ sung khoản 4 mục I phần II Thông tư liên tịch số 53/1998/TTLT/BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 25 tháng 8 năm 1998 của Liên tịch Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài Chính, Bộ Lao động-Thương binh và xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng xét trợ cấp xã hội Học kỳ I năm học 2021-2022 họp ngày 24 tháng 5 năm 2022;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Công tác Học sinh Sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Trợ cấp xã hội Học kỳ I Năm học 2021-2022 cho **37 sinh viên khóa 15,16,17 Cao đẳng** thuộc hệ chính quy được trợ cấp xã hội (danh sách đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ông-Bà Trưởng các đơn vị phòng Công tác Học sinh sinh viên, phòng Kế hoạch-Tài chính, khoa Kế toán-Kiểm toán, khoa Tài chính-Ngân hàng, khoa Quản trị-Kinh doanh, khoa Ngoại ngữ, khoa Công nghệ thông tin, khoa Khoa học xã hội-Quản lý công nghiệp và học sinh sinh viên có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

-Như Điều 3;

-Lưu: VT, CTHSSV. /



HIỆU TRƯỞNG

Trần Văn Tú

**DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 15 CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY
NHẬN TIỀN TRỢ CẤP XÃ HỘI HỌC KỲ 1 NĂM THỨ 3
NĂM HỌC 2021-2022 (5 THÁNG)**

(Kèm theo quyết định: ⁴⁶⁷/QĐ-CDKT ngày 20 tháng 6 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Họ và tên	Lớp	Diện trợ cấp	Mức trợ cấp 1 tháng	Số tháng được hưởng TCXH	Số tiền trợ cấp được nhận	Ký nhận	Ghi chú
1	Nông Thị Huệ	15CKT02	DTIN	140.000	5	700.000		
2	Phạm Thị Bích	15CKT03	Mồ côi	100.000	5	500.000		
3	Thạch Thị Kim Hai	15CKT07	DTIN	140.000	5	700.000		
4	Danh Áo	15CKT10	DTIN	140.000	5	700.000		
5	Cao Thị Thu Nhân	15CQT08	DTIN	140.000	5	700.000		
6	Võ Thị Ý Nhi	15CQT17	Mồ côi	100.000	5	500.000		
7	Nguyễn Thị Phụng Đình	15CQT17	XĐGN	100.000	5	500.000		
8	Hờ Lai	15CQT22	XĐGN	100.000	5	500.000		
9	Châu Thị Kim Hoa	15CTA06	Mồ côi	100.000	5	500.000		
10	Nguyễn Thị Hồng Đào	15CTX	XĐGN	100.000	5	500.000		
11	Phan Hữu Minh	15CTX	Mồ côi	100.000	5	500.000		
CỘNG						6.300.000		

Số tiền bằng chữ: Sáu triệu ba trăm ngàn đồng chẵn./.

TRƯỞNG PHÒNG CÔNG TÁC HSSV


Phạm Ngọc Hiệp

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 6 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

Trần Văn Tú

**DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 16 CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY
NHẬN TIỀN TRỢ CẤP XÃ HỘI HỌC KỲ 1 NĂM THỨ 2
NĂM HỌC 2021-2022 (5 THÁNG)**

(Kèm theo quyết định: ⁴⁶⁷/QĐ-CDKT ngày 20 tháng 6 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Họ và tên	Lớp	Điện trợ cấp	Mức trợ cấp 1 tháng	Số tháng được hưởng TCXH	Số tiền trợ cấp được nhận	Ký nhận	Ghi chú
1	Đào Ngọc Nhanh	16CAD01	XĐGN	100.000	5	500.000		
2	Thạch Thị Ngoan	16CKT01	DTIN	140.000	5	700.000		
3	Lăng Mỹ Diệu	16CKT01	DTIN	140.000	5	700.000		
4	Đinh Hoa My	16CQT08	DTIN	140.000	5	700.000		
5	Thạch Thị Ngọt	16CQT08	DTIN	140.000	5	700.000		
6	Nguyễn Thị Huỳnh Như	16CQT11	Mồ côi	100.000	5	500.000		
7	Mai Thị Hoan	16CXN01	XĐGN	100.000	5	500.000		
8	Nguyễn Thị Xuân Ca	16CTA03	XĐGN	100.000	5	500.000		
9	Lê Nguyễn Kiều Anh	16CDL01	Mồ côi	100.000	5	500.000		
10	Võ Xuân Trang	16CLG02	Mồ côi	100.000	5	500.000		
11	Phạm Hữu Đức Hòa	16CKR01	XĐGN	100.000	5	500.000		
12	Phan Nhật Tân	16CSI01	DTIN	140.000	5	700.000		
13	Hà Quang Huy	16CKS01	DTIN	140.000	5	700.000		
CỘNG						7.700.000		

Số tiền bằng chữ: Bảy triệu bảy trăm ngàn đồng chẵn./.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 6 năm 2022

TRƯỞNG PHÒNG CÔNG TÁC HSSV

Phạm Ngọc Hiệp

HIỆU TRƯỞNG

Trần Văn Tú

**DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 17 CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY
NHẬN TIỀN TRỢ CẤP XÃ HỘI HỌC KỲ 1 NĂM THỨ 1
NĂM HỌC 2021-2022 (5 THÁNG)**

(Kèm theo quyết định: ⁴⁶⁷/QĐ-CDKT ngày 20 tháng 6 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Họ và tên	Lớp	Diện trợ cấp	Mức trợ cấp 1 tháng	Số tháng được hưởng TCXH	Số tiền trợ cấp được nhận	Ký nhận	Ghi chú
1	Phan Hoàng Lâm	17CFB01	Mồ côi	100.000	5	500.000		
2	Lộc Thị Hường	17CKT01	DTIN	140.000	5	700.000		
3	Uông Lâm Như Quỳnh	17CKT08	XĐGN	100.000	5	500.000		
4	Phạm Thị Kim Ly	17CKT10	XĐGN	100.000	5	500.000		
5	Lê Huỳnh Phương Thảo	17CKT15	XĐGN	100.000	5	500.000		
6	Lê Thị Bích Như	17CKT17	XĐGN	100.000	5	500.000		
7	Thạch Thị Bảo Châu	17CQT02	DTIN	140.000	5	700.000		
8	Nguyễn Thị Thu Hương	17CQT25	XĐGN	100.000	5	500.000		
9	Đỗ Ngọc Quang	17CSI01	Mồ côi	100.000	5	500.000		
10	Võ Ngọc Anh Thư	17CDK08	XĐGN	100.000	5	500.000		
11	Huỳnh Nguyễn Bích Tuyền	17CDL01	XĐGN	100.000	5	500.000		
12	Nguyễn Ngọc Như Thảo	17CAD01	XĐGN	100.000	5	500.000		
13	Trần Thị Nhã Linh	17CIM01	XĐGN	100.000	5	500.000		
CỘNG						6.900.000		

Số tiền bằng chữ: Sáu triệu chín trăm ngàn đồng chẵn./.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 6 năm 2022

TRƯỞNG PHÒNG CÔNG TÁC HSSV



Phạm Ngọc Hiệp



HIỆU TRƯỞNG

Trần Văn Tú